BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 208 /TB-ĐHĐL

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 02 năm 2025

SỞ NỘI VỤ NINH THUẬN
ĐẾN Số: 77
Ngày: 10/3/25
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

THÔNG BÁO CHIÊU SINH

Lớp " Bổ sung kiến thức đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 – Đợt 1"

Để tạo điều kiện cho các thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 - Đợt 1, Trường Đại học Đà Lạt thông báo về việc mở lớp bổ sung kiến thức đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành như sau:

1. **Đối tượng**

Các cá nhân có nhu cầu dự tuyển và học các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đà Lạt nhưng có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành phù hợp cần phải bổ sung kiến thức (Phụ lục đính kèm).

2. **Chương trình đào tạo**

Theo chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Đà Lạt.

3. **Thời gian đăng ký và địa điểm đào tạo**

Thời gian đăng ký: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/3/2025.

Địa điểm: học tại Trường Đại học Đà Lạt.

4. **Học phí**

Theo quy định của Trường Đại học Đà Lạt.

5. **Thủ tục đăng ký**

Học viên nộp đơn (*theo mẫu*) kèm bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học.

Thông tin chi tiết liên hệ tại: chuyên viên Phùng Văn Tài, phòng Quản lý đào tạo Sau đại học – Nhà A.1 - Trường Đại học Đà Lạt – Số 1 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt - Điện thoại: 02633552861 hoặc 0937909395– Email: taipv@dlu.edu.vn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Website Trường ĐHĐL;
- Lưu VT, P. QLĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Lê Minh Chiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP ĐỂ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
1	**Toán giải tích**	1. Toán học 2. Sư phạm Toán học	1. Toán – Tin học 2. Toán ứng dụng	1. Giải tích hàm, 3TC 2. Phương trình vi phân, 3TC
2	**Vật lý kỹ thuật**	1. Vật lý học 2. Sư phạm vật lý 3. Vật lý kỹ thuật 4. Vật lý kỹ thuật và điện tử 5. Vật lý nguyên tử và hạt nhân 6. Vật lý y khoa 7. Kỹ thuật hạt nhân 8. Công nghệ kỹ thuật hạt nhân 9. Kỹ thuật điện 10. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	1. Cơ kỹ thuật 2. Thiên văn học 3. Khoa học vật liệu 4. Công nghệ vật liệu 5. Kỹ thuật vật liệu 6. Hóa học 7. Công nghệ kỹ thuật hóa học 8. Kỹ thuật hóa học 9. Khoa học môi trường 10. Công nghệ kỹ thuật môi trường 11. Kỹ thuật môi trường 12. Toán ứng dụng	1. Cơ học lượng tử, 3TC 2. Cơ sở vật lý hạt nhân, 3TC 3. Xử lý số liệu thực nghiệm, 3TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
		11. Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông 12. Kỹ thuật điện tử - viễn thông 13. Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 14. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	13. Công nghệ thông tin 14. Khoa học máy tính 15. Tin học 16. Quản lý Tài nguyên và Môi trường 17. Công nghệ nhiệt – điện lạnh	
3	**Hóa phân tích**	1. Hóa học 2. Hóa dược 3. Sư phạm Hóa học 4. Dược học 5. Công nghệ kỹ thuật hóa học 6. Kỹ thuật hóa học	1. Khoa học vật liệu 2. Khoa học môi trường 3. Công nghệ kỹ thuật môi trường 4. Công nghệ thực phẩm 5. Công nghệ sinh học 6. Công nghệ sau thu hoạch 7. Công nghệ vật liệu 8. Công nghệ kỹ thuật hạt nhân 9. Kỹ thuật y sinh 10. Kỹ thuật thực phẩm 11. Kỹ thuật môi trường	1. Hóa cấu tạo, 3TC 2. Hóa phân tích, 3TC 3. Phân tích công cụ, 3TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
			12. Kỹ thuật vật liệu 13. Kỹ thuật xét nghiệm y học 14. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.	
4	**Sinh thái học**	1. Sinh học 2. Công nghệ sinh học 3. Lâm Sinh 4. Sinh học ứng dụng 5. Sinh học thực nghiệm 6. Sư phạm sinh học	1. Quản lý và bảo vệ rừng 2. Nông học 3. Bảo vệ thực vật 4. Trồng trọt 5. Chăn nuôi 6. Thủy sản 7. Khoa học cây trồng 8. Tài nguyên môi trường 9. Kỹ thuật môi trường 10. Khoa học biển	1. Các nguyên tắc sinh thái học, 3TC 2. Sinh thái học quần thể, 3TC
5	**Sinh học thực nghiệm**	1. Công nghệ sinh học 2. Sinh học ứng dụng 3. Sinh thái học 4. Kỹ thuật môi trường 5. Công nghệ môi trường 6. Sinh học	1. Công nghệ/ Kỹ thuật hữu cơ và hóa dầu 2. Công nghệ / Kỹ thuật môi trường 3. Sư phạm Hóa học 4. Cử nhận Khoa học Hóa học 5. Cử nhân Hóa dược	1. Cơ sở di truyền, 3TC 2. Sinh học phân tử , 3TC 3. Vi sinh, 3TC 4. Sinh lý thực vật, 3TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
		7. Y sinh 8. Môi trường 9. Nông học 10. Sư phạm Sinh học 11. Thủy sản 12. Công nghệ thực phẩm 13. Công nghệ Sau thu hoạch 14. Y dược 15. Chăn nuôi – thú y 16. Bảo vệ thực vật 17. Dược		
6	**Văn học Việt Nam**	1. Văn học 2. Ngữ văn 3. Ngữ văn – Báo chí 4. Ngữ văn Sư phạm 5. Ngôn ngữ học	1. Báo chí và truyền thông 2. Báo chí học 3. Ngữ văn Trung Quốc 4. Văn hóa học 5. Hán Nôm 6. Việt Nam học	1. Văn học dân gian Việt Nam, 2TC 2. Văn học Việt Nam trung đại 1 (X-XV), 2TC 3. Văn học Việt Nam trung đại 2 (XVI - XIX), 2TC 4. Văn học Việt Nam cận đại, 2TC 5. Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1930 - 1975), 2TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
				6. Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1975 - 2020), 2TC 7. Ngôn ngữ và văn học, 2TC 8. Lý luận văn học, 2TC
7	**Lịch sử Việt Nam**	1. Lịch sử 2. Sư phạm Lịch sử 3. Lịch sử Việt Nam 4. Lịch sử Thế giới 5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 6. Khảo cổ học 7. Nhân học (Dân tộc học) 8. Quan hệ quốc tế 9. Bảo tàng học 10. Lưu trữ học 11.Việt Nam học 12. Văn hóa học	1. Thư viện học 2. Văn hóa Du lịch 3. Trung Quốc học 4. Hàn Quốc học 5. Nhật Bản học 6. Quốc tế học 7. Đông Nam Á học 8. Khoa học Chính trị 9. Tôn giáo học 10. Công tác xã hội 11. Dân số và phát triển 12. Xã hội học 13. Phát triển cộng đồng	1. Lịch sử Việt Nam, 4TC 2. Lịch sử thế giới, 4TC 3. Nhập môn sử học và PP luận sử học, 3TC 4. Các lý thuyết xã hội học căn bản và Thống kê xã hội, 4TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
		13.Tư tưởng Hồ Chí Minh 14. Sử liệu học	14. Khoa học quân sự 15. Đông phương học 16. Quản lý văn hóa	
8	**Quản trị kinh doanh**	1. Quản trị kinh doanh 2. Quản trị khách sạn 3. Kinh doanh thời trang và dệt may 4. Marketing 5. Kinh doanh quốc tế 6. Kinh doanh thương mại 7. Tài chính – Ngân hàng 8. Bảo hiểm 9. Kế toán 10. Kiểm toán 11. Khoa học quản lý 12. Quản trị nhân lực 13. Hệ thống thông tin quản lý	1. Kinh tế học 2. Kinh tế quốc tế 3. Kinh tế công nghiệp 4. Kinh tế xây dựng 5. Quản lý xây dựng 6. Bất động sản 7. Kinh tế nông nghiệp 8. Quản lý bệnh viện 9. Kinh tế gia đình 10. Kinh tế vận tải 11. Quản lý tài nguyên và môi trường 12. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên. 13. Công nghệ chứng khoán	1. Quản trị marketing, 3TC 2. Quản trị chất lượng, 3TC 3. Quản trị tài chính doanh nghiệp, 3TC 4. Kinh tế vi mô, 3TC 5. Kinh tế vĩ mô, 3TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
		14. Quản trị văn phòng. 15. Tài chính - Doanh nghiệp 16. Quản trị doanh nghiệp	14. Công nghệ ngân hàng 15. Đầu tư 16. Đầu tư bảo hiểm 17. Du lịch 18. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 19. Kế hoạch hóa 20. Kinh doanh bảo hiểm 21. Kinh tế bưu chính viễn thông 22. Kinh tế chính trị 23. Kinh tế công 24. Kinh tế công cộng 25. Kinh tế đầu tư 26. Kinh tế đối ngoại 27. Kinh tế du lịch 28. Kinh tế kế hoạch đầu tư 29. Kinh tế lao động 30. Kinh tế môi trường 31. Kinh tế nông nghiệp 32. Kinh tế phát triển	

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
			33. Kinh tế quản lý 34. Kinh tế thương mại 35. Kinh tế thủy lợi 36. Kinh tế thủy sản 37. Kinh tế tuần hoàn 38. Kinh tế và quản lý địa chính 39. Kinh tế và quản lý du lịch 40. Kinh tế và quản lý thương mại 41. Logicstic 42. Quản lý công nghiệp 43. Quản lý đô thị 44. Quản lý kinh tế và chính sách 45. Quản lý nhà nước 46. Quản trị chất lượng 47. Quản trị công 48. Quản trị du lịch 49. Quản trị kinh doanh nông nghiệp 50. Quản trị kinh doanh tổng hợp	

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
			51. Tài chính công đoàn 52. Tài chính du lịch 53. Tài chính ứng dụng 54. Tài chính vi mô 55. Thị trường chứng khoán 56. Thống kê kinh tế 57. Thương mại 58. Thương mại điện tử 59. Toán kinh tế 60. Toán tài chính 61. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
9	**Ngôn ngữ Anh**	1. Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh du lịch, Tiếng Anh biên phiên dịch, Tiếng Anh quan hệ quốc tế, Tiếng Anh pháp lý, Tiếng Anh truyền thông …) 2. Tiếng Anh 3. Ngữ Văn Anh 4. Sư phạm tiếng Anh 5. Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, 6. Văn chương Anh – Mỹ	1. Anh – Pháp 2. Anh – Nga 3. Anh – Đức 4. Anh – Trung 5. Anh học 6. Hoa kỳ học, v.v.	1. Ngữ âm & Âm vị học tiếng Anh, 3TC 2. Ngữ nghĩa học, 3TC 3. Hình Thái học & Cú pháp tiếng Anh, 3TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
10	**Luật**	1. Luật 2. Luật hiến pháp và luật hành chính 3. Luật dân sự và tố tụng dân sự 4. Luật hình sự và tố tụng hình sự 5. Luật kinh tế 6. Luật quốc tế 7. Luật thương mại quốc tế 8. Luật kinh doanh	Không	Không

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
11	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**	1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2. Quản trị khách sạn 3. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống 4. Du lịch 5. Văn hóa du lịch 6. Du lịch học 7. Địa lý du lịch 8. Hướng dẫn du lịch.	**Nhóm 1:** 1. Quản trị kinh doanh 2. Quản trị nhân lực 3. Kinh doanh thương mại 4. Kinh doanh quốc tế 5. Kinh doanh nông nghiệp 6. Quản lý kinh tế 7. Kinh tế đầu tư 8. Kinh tế phát triển 9. Marketing 10. Tài chính ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, tài chính công) 11. Kế toán (Kế toán doanh nghiệp, Kế toán hành chính sự nghiệp) 12. Kiểm toán 13. Quản lý thể dục, thể thao 14. Tiếng anh du lịch 15. Tiếng Pháp du lịch	**Nhóm 1: 8TC** 1. Nhập môn ngành du lịch, 2TC 2. Kinh tế du lịch, 3TC 3. Quản trị khách sạn, 3TC

STT	Ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	
			Tên ngành đại học	Tên học phần học bổ sung kiến thức, số tín chỉ
			Nhóm 2: Các nhóm ngành thuộc: Ngoại ngữ, Văn hóa, Sư phạm địa lý, Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam, Văn hoá học, Lịch sử, Quản lý văn hoá, Địa lý học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.	**Nhóm 2: 14TC** 1. Nhập môn ngành du lịch, 2TC 2. Quản trị lữ hành, 3TC 3. Kinh tế du lịch, 3TC 4. Quản trị khách sạn, 3TC 5. Marketing căn bản, 3TC

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Lê Minh Chiến